|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ**  **TỔ: SỬ - ĐỊA - GDCD** | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I, NĂM HỌC 2022 – 2023**  **Môn: LỊCH SỬ 11 (CT Chuẩn)**  *Thời gian làm bài: 45 phút* |

**I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I. MÔN LỊCH SỬ 12**

**Hình thức kiểm tra: 100% trắc nghiệm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | **% tổng** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Số CH** | **Thời gian (phút)** |  |
| **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **TN** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1930** | 4 | 4,5 | 4 | 4,5 | 2 | 2,25 | 1 | 1,125 | **11** | 12,375 | 27,5 |
| **2** | **VIỆT NAM TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 1945** | 6 | 6,75 | 4 | 4,5 | 3 | 3,375 | 2 | 2,25 | **15** | 16,875 | 37,5 |
| **3** | **VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1954** | 6 | 6,75 | 4 | 4,5 | 3 | 3,375 | 1 | 1,125 | **14** | 15,75 | 35 |
| **Tổng** | | ***16*** | ***18*** | ***12*** | ***13,5*** | ***8*** | ***9*** | ***4*** | ***4,5*** | ***40*** | ***45*** | ***100*** |
| **Tỉ lệ %** | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | | **100** | **45** | **100** |

**II.** **BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: LỊCH SỬ LỚP 12, NĂM HỌC 2022-2023 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo**  **mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Việt Nam từ năm 1919**  **đến năm 1930** | **Bài 12:**  **Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến**  **năm 1925** | **Nhận biết:**   * Trình bày được chính sách tăng cường khai thác Việt Nam của thực dân Pháp trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai về các ngành: nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, tài chính, thuế... ; * Trình bày được các hoạt động tiêu biểu của phong trào yêu nước trong thời kì này: hoạt động của tư sản và tiểu tư sản, phong trào đấu tranh của công nhân. (C8) * Trình bày được hoạt động của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn | 2 | 2 | 1\* | 0 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo**  **mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụn g** | **Vận dụng cao** |
|  |  |  | 1919 – 1925  **Thông hiểu:**   * Hiểu được những chuyển biến mới về kinh tế, xã hội Việt Nam dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp. Từ đó rút ra mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Việt Nam lúc này là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp và bọn phản động tay sai. (C19)   **Vận dụng:**   * Phân tích được khả năng cách mạng của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.   **Vận dụng cao:**   * Nhận xét được tác động các hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam. * Nhận xét được tính chất và đặc điểm của các phong trào yêu nước của tư sản và tiểu tư sản trong thời kì này. |  |  |  |  |
| **Bài 13:**  **Phong trào dân tộc dân chủ ở**  **Việt Nam** | **Nhận biết:**  - Trình bày được sự ra đời, chủ trương, hoạt động của các tổ chức cách mạng: Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Tân Việt cách mạng đảng, Việt Nam Quốc dân đảng. (C7) | 2 | 2 | 1\* | 1\*\* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | **Số câu hỏi theo** | | | |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụn g** | **Vận dụng cao** |
|  |  | **từ năm 1925 đến**  **năm 1930** | * Trình bày được hoàn cảnh ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, hội nghị thành lập Đảng. * Trình bày được nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. |  |  |  |  |
|  |  |  | **Thông hiểu:** |
|  |  |  | - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự phân hóa của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, sự xuất hiện ba tổ chức cộng sản năm 1929: Đông Dương cộng sản đảng, An Nam cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn. Từ đó thấy được sự lớn mạnh của xu hướng cứu nước theo con đường cách mạng vô sản. (20) |
|  |  |  | - Phân tích được nguyên nhân thất bại của khởi nghĩa Yên Bái và Việt Nam Quốc dân đảng. (C21) |
|  |  |  | **Vận dụng:** |
|  |  |  | - Phân tích (được) nội dung của Cương lĩnh chính trị đầu tiên; ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam: bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam. |
|  |  |  | - Phân tích được tính đúng đắn và sáng tạo của Cương lĩnh chính trị đầu tiên. |
|  |  |  | **Vận dụng cao:** |
|  |  |  | - Đánh giá được vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo**  **mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụn g** | **Vận dụng cao** |
|  | Đảng: vận động thành lập, chủ trì việc thống nhất các tổ chức cộng sản, soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. |  |  |  |  |
| **8** | **Việt Nam từ năm 1930**  **đến năm 1945** | **Bài 14:**  **Phong trào cách mạng 1930 -**  **1935** | **Nhận biết:**   * Trình bày được những nét chính về ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) nói chung và sự khủng hoảng của Pháp nói riêng tới tình hình kinh tế Việt Nam và sự tác động của tình hình kinh tế tới đời sống xã hội Việt Nam: đời sống của mọi tầng lớp nhân dân đều sa sút. * Trình bày được diễn biến chính của phong trào cách mạng 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ - Tĩnh (làm chủ chính quyền, các chính sách tiến bộ về chính trị, kinh tế, văn hoá). (C9) * Trình bày được ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào cách mạng 1930 – 1931. * Trình bày được diễn biến chính của Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam (10 - 1930); những điểm chính của Luận cương (10 - 1930): chiến lược, sách lược, động lực và tổ chức lãnh đạo cách mạng, hình thức và phương pháp đấu tranh.   **Thông hiểu:**   * Hiểu được tính đúng đắn của Luận cương và một số điểm hạn chế: về mâu thuẫn chính trong xã hội, động lực cách mạng. | 2 | 1 | 1\* | 1\*\* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo**  **mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụn g** | **Vận dụng cao** |
|  |  |  | - Lí giải được vì sao Xô viết Nghệ  Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 - 1931 và nhận xét được những điểm mới của chính quyền Xô viết. (C22) |  |  |  |  |
| **Vận dụng:** |
| - Phân tích được điểm mới của phong trào cách mạng 1930 – 1931 so với phong trào dân tộc dân chủ giai đoạn 1919 – 1930. |
| - So sánh được điểm giống và khác nhau giữa Luận cương chính trị và Cương lĩnh chính trị đầu tiên. |
| **Vận dụng cao:** |
| - Nhận xét được tác động, ảnh hưởng của tình hình thế giới đến cách mạng Việt Nam. |
|  | **Nhận biết:** |  |  |  |  |
| **Bài 15:**  **Phong trào dân chủ 1936 -**  **1939** | * Nêu được bối cảnh Việt Nam trong những năm 1936 - 1939: chủ trương chống phát xít của Quốc tế Cộng sản, sự ra đời của Mặt trận nhân dân Pháp và các hoạt động tác động đến Việt Nam; tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam. * Nêu được những điểm chính trong chủ trương của Đảng và những phong trào tiêu biểu: Đông Dương đại hội, đòi tự do, dân sinh, dân chủ. Một số | 2 | 2 | 1\* | 0 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | **Số câu hỏi theo** | | | |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụn g** | **Vận dụng cao** |
|  |  |  | kết quả và kinh nghiệm đấu tranh công khai, hợp pháp. (C10) |  |  |  |  |
|  |  | - Trình bày được ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào dân chủ 1936 - 1939. |
|  |  | **Thông hiểu:** |
|  |  | - Hiểu được nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi chủ trương của Đảng so với giai đoạn trước. (C23) |
|  |  | **Vận dụng:** |
|  |  | - Phân tích được ý nghĩa của phong trào dân chủ 1936 – 1939. |
|  |  | - So sánh được điểm giống và khác nhau giữa phong trào dân chủ 1936 – 1939 với phong trào cách mạng 1930 – 1931. |
|  |  | **Vận dụng cao:** |
|  |  | - Nhận xét được mối quan hệ giữa cách mạng thế giới và cách mạng Việt Nam. |
|  |  | **Bài 16:**  **Phong trào giải phóng dân tộc**  **1939 –** | **Nhận biết:**   * Trình bày được một số điểm nổi bật trong bối cảnh Việt Nam những năm Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945) về chính trị, kinh tế - xã hội. * Trình bày được nội dung chuyển hướng đấu tranh được đề ra trong Hội | 2 | 1 | 1\* | 1\*\* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | **Số câu hỏi theo** | | | |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụn g** | **Vận dụng cao** |
|  |  | **1945 và Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.**  **Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời** | nghị tháng 11/1939 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.   * Trình bày được những sự kiện chủ yếu của công cuộc chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền: nội dung chủ yếu của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 5/1941; công cuộc chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền: xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng. * Trình bày được những nét chính của giai đoạn khởi nghĩa từng phần: Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945); chỉ thị của Đảng: “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, phong trào phá kho thóc của Nhật, thành lập Uỷ ban dân tộc giải phóng Việt Nam, thành lập Việt Nam giải phóng quân, lập Khu giải phóng Việt Bắc… |  |  |  |  |
|  |  |  | - Trình bày (được) khái quát cuộc tổng khởi nghĩa của nhân dân trong cả nước, trình bày diễn biến chính cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn; nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được thành lập (2 - 9 - 1945). (C11) |
|  |  |  | **Thông hiểu** |
|  |  |  | - Hiểu được hầu hết các giai cấp và tầng lớp đều bị ảnh hưởng bởi những chính sách của Pháp – Nhật trong những năm Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945). (C24) |
|  |  |  | - Hiểu được nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi chủ trương của Đảng trong Hội nghị Ban chấp hành Trung ương tháng 11/1939, tháng 5/1941. |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | **Số câu hỏi theo** | | | |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụn g** | **Vận dụng cao** |
|  |  |  | (C25) |  |  |  |  |
|  |  | - Giải thích được nguyên nhân Đảng phát động Cao trào kháng Nhật cứu nước. |
|  |  | - Hiểu được vì sao thời cơ Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 được gọi là thời cơ “chín muồi” và “ngàn năm có một”. |
|  |  | **Vận dụng:** |
|  |  | - So sánh được chủ trương đề ra trong Hội nghị tháng 11/1939 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng với giai đoạn trước. |
|  |  | - Nhận xét được ý nghĩa của Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5/1941. |
|  |  | - Phân tích được sự sáng suốt của Đảng trong việc chớp thời cơ phát động tổng khởi nghĩa. |
|  |  | - Phân tích được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945. |
|  |  | **Vận dụng cao:** |
|  |  | - Từ nghệ thuật “chớp thời cơ” Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945, rút ra được bài học cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. |
| **9** | **Việt**  **Nam từ** | **Bài 17:**  **Nước Việt** | **Nhận biết:** | 2 | 1 | 1\* | 1\*\* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo**  **mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụn g** | **Vận dụng cao** |
|  | **Từ**  **năm 1945**  **đến năm 1954** | **Việt**  **Nam Dân chủ Cộng hòa từ sau ngày 2/9/1945**  **đến trước ngày 19/12/1946** | * Trình bày được những biện pháp giải quyết khó khăn: bước đầu xây dựng chính quyền cách mạng, giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính. (C12) * Trình bày được những diễn biến chính của công cuộc chống ngoại xâm, nội phản, bảo vệ chính quyền cách mạng: chống thực dân Pháp trở lại xâm lược ở miền Nam; đấu tranh với Trung Hoa Dân quốc và bọn phản cách mạng ở miền Bắc; hoà hoãn với Pháp nhằm đẩy quân Trung Hoa Dân quốc ra khỏi nước ta. |  |  |  |  |
|  |  | **Thông hiểu:** |
|  |  | - Hiểu được tình hình nước ta trong những năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, chính quyền dân chủ nhân dân ở trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”. (C26) |
|  |  | - Hiểu (giải thích) được ý nghĩa của những kết quả đạt được trong việc bước đầu xây dựng chính quyền cách mạng, giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính. |
|  |  | - Lí giải được nguyên nhân Đảng, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thực hiện chủ trương “mềm dẻo về sách lược, cứng rắn về nguyên tắc” trong việc giải quyết mối quan hệ với Pháp và Trung Hoa Dân quốc. |
|  |  | **Vận dụng:** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo**  **mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụn g** | **Vận dụng cao** |
|  |  |  | - Phân tích được chủ trương của Đảng, Chính phủ trong công cuộc chống ngoại xâm, nội phản. |  |  |  |  |
| - Phân tích được ý nghĩa những biện pháp chống ngoại xâm, nội phản của Đảng, Chính phủ. |
| **Vận dụng cao:** |
| - Rút ra được bài học cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. |
|  | **Nhận biết:** |  |  |  | 1 |
| **Bài 18: Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 –**  **1950)** | * Trình bày được cuộc chiến đấu anh dũng của quân dân Thủ đô Hà Nội và các đô thị từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc. * Trình bày (được) diễn biến, kết quả của chiến thắng Việt Bắc thu - đông 1947. * Trình bày được hoàn cảnh và chủ trương của ta khi chủ động mở chiến dịch Biên giới thu  đông 1950; diễn biến, kết quả của chiến dịch này. (C13)   **Thông hiểu:**   * Hiểu (giải thích) được hoàn cảnh dẫn đến việc Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. (C27) | 1 | 1 | 0 |
|  | **Vận dụng:** |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | **Số câu hỏi theo** | | | |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụn g** | **Vận dụng cao** |
|  |  |  | - Phân tích được đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng. |  |  |  |  |
|  |  | - Phân tích được ý nghĩa của chiến thắng Việt Bắc thu - đông 1947. |
|  |  | - Phân tích được ý nghĩa của chiến dịch Biên giới thu – đông 1950. |
|  |  |  | **Nhận biết:** |  |  |  |  |
|  |  | **Bài 19: Bước phát triển của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951 –**  **1953)** | * Trình bày được những sự kiện thể hiện Mĩ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương của Pháp. * Trình bày được nội dung của kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi. * Trình bày được nội dung của Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2/1951) * Trình bày được những kết quả chính đã đạt được trong công cuộc xây dựng hậu phương về chính trị, kinh tế từ năm 1951 đến năm 1952. (C14)   **Vận dụng:**   * Nhận xét được ý nghĩa của Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2/1951). * Nhận xét được ý nghĩa và tác dụng của những kết quả chính đã đạt được trong công cuộc xây dựng hậu phương về chính trị, kinh tế từ năm 1951 đến năm 1952 đối với cuộc kháng chiến nói chung, với chiến trường nói riêng. | 1 | 1 | 1\* | 0 |
|  |  |  | **Vận dụng cao:** |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | **Số câu hỏi theo** | | | |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụn g** | **Vận dụng cao** |
|  |  |  | - Nhận xét, phân tích được mối quan hệ giữa hậu phương và tiền tuyến. |  |  |  |  |
|  |  |  | **Nhận biết:** |  |  |  |  |
|  |  | **Bài 20: Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953 –**  **1954)** | * Trình bày được những nét chính của chiến cuộc Đông Xuân (1953 - 1954), chiến dịch Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương; ý nghĩa và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp. (C15); (C16)   **Thông hiểu:**   * Hiểu (giải thích) được chủ trương của Đảng trong cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954. (C28)   **Vận dụng:**   * Phân tích được hoàn cảnh dẫn đến âm mưu, thủ đoạn mới của thực dân Pháp và can thiệp Mĩ thể hiện trong kế hoạch Na-va. * Phân tích được ý nghĩa của cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954, chiến dịch Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương, ý nghĩa và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp. **Vận dụng cao:** * Đánh giá được mối quan hệ giữa mặt trận ngoại giao và mặt trận quân sự   trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954). | 2 | 1 | 1\* | 0 |
| **Tổng** | | |  | **16** | **12** | **2** | **1** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo**  **mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụn g** | **Vận dụng cao** |
| **Tỉ lệ % theo từng mức độ** | | |  | **70** | | **30** | |